

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUÝ 3 NĂM 2022

A. LĨNH VỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Tháng 9/2022	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
1.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	CL02	03	06÷08	10÷12	07÷09	3.500.000 đ
2.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	CL03	03	20÷22	24÷26	21÷23	3.500.000 đ
3.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015	CL07	03	11÷13	-	12÷14	3.500.000 đ
4.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015	CL08	03	-	15÷17	-	3.500.000 đ
5.	Xây dựng & áp dụng hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp theo ISO 45001:2018	CL09	03	-	03÷05	-	3.500.000 đ
6.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	CL11	03	13÷15	08÷10	07÷09	3.500.000 đ
7.	Kỹ năng quản lý Chất lượng và quản lý Kỹ thuật của Phòng Thí nghiệm	CL11 - 2	02	18÷19	15÷16	15÷16	2.500.000 đ
8.	Cập nhật và hướng dẫn chuyển đổi hệ thống quản lý PTN ISO/ IEC 17025:2005 sang ISO/ IEC 17025:2017	CL11 - 3	02	07÷08	18÷19	12÷13	2.500.000 đ
9.	Quy tắc ra quyết định và tuyên bố phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017	CL11- 4	02	21÷22	-	19÷20	2.500.000 đ
10.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	CL12	03	25÷27	29÷31	26÷28	3.500.000 đ
11.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống thực hành sản xuất tốt và kiểm soát các mối nguy ATTP (GMP & HACCP)	CL13	03	18÷20	-	19÷21	3.500.000 đ
12.	Xây dựng & áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh Thực phẩm theo ISO 22000:2018	CL15	03	-	22÷24	-	3.500.000 đ
13.	Xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro trong Doanh nghiệp theo TCVN ISO 31000:2011	CL29	03	27÷29	-	-	3.500.000 đ
14.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng cho Dụng cụ y tế theo TCVN ISO 13485:2017	CL33	03	-	29÷31	-	3.500.000 đ

Ghi chú:

Giờ học: Từ 8h00 đến 16h30 mỗi ngày.

Phí ưu đãi: giảm 10% phí tham dự cho các đơn vị có từ 03 người tham dự trở lên trong 01 khóa đào tạo.

Bao gồm: Phí giảng dạy, phòng học, tài liệu, giải lao, cấp GCN và 5% VAT.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUÝ 3 NĂM 2022





B. LĨNH VỰC CÁC CÔNG CỤ/ KỸ THUẬT QUẢN LÝ

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 07/2022	Tháng 08/2022	Tháng 9/2022	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
15.	Thực hành 5S	NS01	02	04÷05	-	05÷06	2.500.000 đ
16.	Các công cụ thống kê dùng cải tiến/ kiểm soát chất lượng	NS03	03	27÷29	22÷24	12÷14	3.500.000 đ
17.	7 Công cụ mới dùng trong quản lý	NS08	02	-	04÷05	-	2.500.000 đ
18.	Kỹ năng quản lý của Quản đốc & Tổ trưởng	NS09	03	13÷15	-	07÷09	3.500.000 đ
19.	Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM)	NS12	03	06÷08	-	05÷07	3.500.000 đ
20.	Đảm bảo và cải tiến hệ thống chất lượng (QA/QC)	NS23	04	-	15÷18	-	4.000.000 đ
21.	Kỹ năng quản lý SX và chất lượng toàn diện	NS35	03	20÷22	-	21÷23	3.500.000 đ
22.	Kỹ năng quản lý theo mục tiêu và đánh giá hiệu quả công việc về KPI (MBO & KPI)	NS36	03	-	29÷31	-	3.500.000 đ

C. LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG VÀ NGHIỆP VỤ

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 07/2022	Tháng 08/2022	Tháng 9/2022	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
23.	Kiểm định viên áp kế và huyết áp kế	KD 05	05	25 ÷ 29			5.000.000 đ
24.	Kiểm định viên đồng hồ nước lạnh	KD 10	05	-	15 ÷ 19		5.500.000 đ
25.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn các dụng cụ đo nhiệt độ	KT 01	04	-	02 ÷ 05	-	4.200.000 đ
26.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế	KT 01-1	02	07 ÷ 08	-	07 ÷ 08	2.800.000 đ
27.	Hướng dẫn hiệu chuẩn các dụng cụ đo áp suất	KT 02	04	26 ÷ 29	-	-	4.200.000 đ
28.	Hướng dẫn phương pháp hiệu chuẩn và đánh giá độ chính xác các loại bộ chuyển đổi đo nhiệt độ và đo áp suất	KT 03	05	-	-	12 ÷ 16	5.500.000 đ
29.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn các dụng cụ đo điện thông dụng	KT 04	04	-	16 ÷ 19	-	4.200.000 đ
30.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn cân phân tích, cân kỹ thuật (Cân cấp I và Cân cấp II)	KT 05	04	19 ÷ 22	-	20 ÷ 23	4.200.000 đ
31.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra hiệu chuẩn phương tiện đo thể tích thí nghiệm (gồm các loại Pipet, buret, dụng cụ thể tích bằng thủy tinh)	KT06	04	-	09 ÷ 12		4.200.000 đ
32.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn dụng cụ đo độ dài	KT07	04	12 ÷ 15	-	13 ÷ 16	4.200.000 đ
33.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và hiệu chuẩn các phương tiện đo lực: lực kế, cảm biến lực, máy thử độ bền kéo nén....	KT08	03	-	24 ÷ 26	-	3.600.000 đ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUÝ 3 NĂM 2022

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 07/2022	Tháng 08/2022	Tháng 9/2022	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
34.	Hướng dẫn sử dụng, kiểm tra, hiệu chuẩn nội bộ dụng cụ đo lường phòng thí nghiệm	KT 09	04	11 ÷ 14	-	27 ÷ 30	4.200.000 đ
35.	Kiến thức cơ bản về đo lường, hiệu chuẩn và kiểm định các phương tiện đo	KT11	03	-	29 ÷ 31	-	3.600.000 đ
36.	Phương pháp hiệu chuẩn, kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng chất lỏng dùng trong công nghiệp	KT 13	04	-	-	06 ÷ 09	4.500.000 đ
37.	Hướng dẫn hiệu chuẩn thiết bị đo độ nhớt 	KT 14	02	28 ÷ 29	-	-	2.800.000 đ
38.	Hướng dẫn hiệu chuẩn thiết bị đo nồng độ khí 	KT 15	02	-	11 ÷ 12	-	2.800.000 đ
39.	Hướng dẫn hiệu chuẩn các thiết bị đo độ nước: COD, Ph, DO, điện dẫn, đo màu	KT16	04	-	23 ÷ 26	-	4.500.000 đ
40.	Hướng dẫn hiệu chuẩn thiết bị đo tỉ trọng 	KT 17	02	-	-	15 ÷ 16	2.800.000 đ
41.	Hệ thống mã số mã vạch GS1 và các ứng dụng	NV 01	01	25	23	23	1.100.000 đ
42.	Đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm	NV 02	03	-	22 ÷ 24	-	3.600.000 đ
43.	Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử (Phê duyệt phương pháp thử) lĩnh vực hóa lý	NV 03	03	-	-	07 ÷ 09	3.600.000 đ
44.	Tính toán độ không đảm bảo đo trong đo lường, đánh giá sự phù hợp của phương tiện đo và phê duyệt phương pháp hiệu chuẩn	NV 04	03	-	17 ÷ 19	-	3.600.000 đ
45.	Tính toán độ không đảm bảo đo cho kết quả thử nghiệm hóa lý	NV 05	03	27 ÷ 29	-	-	3.600.000 đ
46.	Hướng dẫn xác nhận giá trị sử dụng và tính toán độ không đảm bảo đo các phương pháp phân tích vi sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi 	NV 06	03	20 ÷ 22	-	-	3.900.000 đ
47.	Kỹ thuật phân tích vi sinh trong thực phẩm (08 chỉ tiêu theo QĐ của Bộ Y tế).	TN 01	05	-	-	19 ÷ 23	4.900.000 đ
48.	Kỹ thuật phân tích một số chỉ tiêu cơ bản trong nước uống và nước sinh hoạt. (mùi vị, màu, pH, độ đục, độ kiềm, độ cứng, kim loại nặng (As, Hg), chlorine, nitrate, nitrite ...)	TN 12	04	-	08 ÷ 11	-	4.500.000 đ
49.	Kỹ thuật phân tích một số chỉ tiêu cơ bản trong nước thải. (pH, BOD, COD, TSS, N, P, N-NH ₄ , N-NO ₃ , Độ màu, Fe, Clo dư)	TN 13	04	-	-	05 ÷ 08	4.500.000 đ
50.	Thử tính chất cơ lý thép mối hàn: thép kết cấu, thép bê tông và mối hàn	TN 14	02	-	03 ÷ 04	-	2.800.000 đ
51.	Thử nghiệm cấu trúc và thành phần hóa kim loại	TN 12	02	-	-	26 ÷ 27	2.800.000 đ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUÝ 3 NĂM 2022

D. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

(Các lớp có STT từ 52-61 đào tạo thí nghiệm viên theo chương trình khung của bộ xây dựng)

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Ký hiệu	Số ngày đào tạo	Học phí (đồng) /HV/khóa
52.	Kiến thức, kỹ năng, quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	TN37	05	4.200.000 đ
53	Thử nghiệm cơ lý xi măng	TN38	05	4.200.000 đ
54.	Thử nghiệm cốt liệu dùng cho bê tông và vữa xây dựng	TN39	05	4.200.000 đ
55.	Thử nghiệm bê tông xi măng	TN40	05	4.200.000 đ
56.	Thử nghiệm vữa xây dựng	TN41	05	4.200.000 đ
57.	Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu chế tạo bê tông nhựa	TN42	05	4.200.000 đ
58	Thử nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và đất ngoài hiện trường	TN45	05	4.200.000 đ
59	Thử nghiệm các chỉ tiêu hóa cốt liệu và xi măng	TN46	05	4.200.000 đ
60.	Thử nghiệm các chỉ tiêu hóa nước dùng trong xây dựng	TN47	05	4.200.000 đ
61.	Thử nghiệm không phá hủy kết cấu công trình (đánh giá chất lượng kết cấu bê tông & bê tông cốt thép)	TN48	05	4.200.000 đ
62.	Thử nghiệm thép xây dựng	TN49	04	4.000.000 đ
63.	Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) về xi măng	TN50	03	3.800.000 đ
64.	Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) về bê tông và bê tông trộn sẵn	TN51	03	3.800.000 đ
65.	Quản lý trạm trộn bê tông	TN52	03	3.800.000 đ

Ghi chú:

Giờ học: Từ 8h00 đến 16h30 mỗi ngày.

Phí ưu đãi: giảm 10% phí tham dự cho các đơn vị có từ 03 người tham dự trở lên trong 01 khóa đào tạo.

Bao gồm: Phí giảng dạy, phòng học, tài liệu, giải lao, cấp GCN và 5% VAT.

Quý Tổ chức/Doanh nghiệp và Cá nhân đăng ký tham dự khoá đào tạo, vui lòng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi được Ban tổ chức xác nhận mở lớp.